

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 5 năm 2017

Số : ...859.../STTTT-BCVT
Về tuyên truyền các quy định tại Nghị
định số 49/2017/NĐ-CP.

Kính gửi:

- Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam;
- Tập đoàn Viễn thông quân đội – Chi nhánh Viettel TP.HCM;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Viễn Thông Di Động Toàn Cầu (Gmobile);
- Chi nhánh Công ty cổ phần viễn thông Hà Nội (Hanoi Telecom).

Căn cứ Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông và điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

Sở Thông tin và Truyền thông TP.HCM đề nghị các doanh nghiệp viễn thông nghiên cứu và triển khai các quy định tại Nghị định 49/2017/NĐ-CP (Nghị định 49). Cụ thể như sau:

I. Về quy định tại Nghị định 49

Sở Thông tin và Truyền thông phổ biến một số nội dung mới liên quan đến các doanh nghiệp viễn thông trong việc cung cấp dịch vụ thông tin di động tại Nghị định 49 tại Phụ lục 01 (đính kèm). Cụ thể như sau:

1. Về Sửa đổi, bổ sung Điều 15 Nghị định 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp:

a. Đảm bảo các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông tuân thủ đầy đủ các quy định tại khoản 2 và khoản 4, điều 1.

b. Đảm bảo thông tin thuê bao tuân thủ đầy đủ các quy định tại khoản 5, điều 1.

c. SIM thuê bao di động chỉ được cung cấp cho các cá nhân, tổ chức tại các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông và sau khi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông đã hoàn thành các quy định tại khoản 4 Điều này.

d. Trách nhiệm của doanh nghiệp tại khoản 8, điều 1, với nội dung chính như:

Đối với các thuê bao đã chấm dứt sử dụng dịch vụ hoặc đã chuyển quyền sử dụng dịch vụ cho cá nhân, tổ chức khác phải tiếp tục lưu giữ thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu tối thiểu 2 năm;

Đối với thuê bao di động có thông tin thuê bao không đúng quy định, phải **thông báo liên tục trong ít nhất 5 ngày, mỗi ngày ít nhất một lần** yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 1.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức không thực hiện theo yêu cầu, **tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông một chiều sau 15 ngày kể từ ngày đầu tiên gửi thông báo** đồng thời thông báo thuê bao sẽ bị **tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều sau 15 ngày tiếp theo nếu không thực hiện.**

- **Tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều sau 15 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông một chiều** đồng thời thông báo thuê bao sẽ được thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông sau 30 ngày tiếp theo nếu không thực hiện.

- **Thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông sau 30 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều nếu cá nhân, tổ chức không thực hiện;**

Đối với dịch vụ viễn thông di động, trong hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung phải có quy định cụ thể việc thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ với các thuê bao khi các thuê bao không thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại điểm e khoản này;

Thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức đang sử dụng số thuê bao theo quy định tại khoản 4, khoản 7 Điều 1;

2. Về sửa đổi, bổ sung Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13/11/2013 liên quan đến doanh nghiệp

Nghị định 49 điều chỉnh và bổ sung một số quy định liên quan đến việc vi phạm các quy định về giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung, lưu giữ và sử dụng thông tin thuê bao như sau:

a. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng trên mỗi số thuê bao đối với doanh nghiệp viễn thông di động nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 200.000.000 đồng đối với mỗi hành vi do vi phạm một trong các hành vi như: Cung cấp dịch vụ cho thuê bao có thông tin thuê bao không đúng quy định; Thực hiện việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung không đúng quy định.

b. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng trên mỗi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông di động nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 200.000.000 đồng đối với mỗi hành vi khi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông vi phạm một trong các hành vi sau đây: Không thực hiện

đúng quy định tại một trong các điểm quy định tại một trong các điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 15 Nghị định 25/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định này; Bản giấy hoặc bản số hóa hoặc bản điện tử xác nhận thông tin thuê bao không có chữ ký của chủ thuê bao hoặc của người đại diện theo pháp luật của tổ chức hoặc của người được ủy quyền; Thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung bên ngoài điểm cung cấp dịch vụ viễn thông; Bản số hóa giấy tờ, ảnh chụp không rõ ràng hoặc ảnh chụp không có thông tin về ngày giờ chụp, ...

c. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng trên mỗi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông di động nhưng tổng số tiền phạt không vượt quá 200.000.000 đồng đối với mỗi hành vi khi điểm cung cấp dịch vụ viễn thông vi phạm một trong các hành vi sau đây: Chấp nhận giấy tờ không đúng quy định khi thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; Không thực hiện đúng quy định tại điểm đ hoặc điểm e khoản 4 Điều 15 Nghị định 25/2011/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định này;...

d. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi Không đăng tải trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp danh sách các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc đăng tải danh sách không đầy đủ thông tin theo quy định,...

e. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với doanh nghiệp viễn thông di động khi vi phạm một trong các hành vi sau: Chấp nhận thông tin thuê bao do điểm cung cấp dịch vụ viễn thông không được ủy quyền; ***Không thông báo hoặc không yêu cầu các thuê bao thực hiện lại việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung khi phát hiện thông tin thuê bao không đúng quy định; Không thông báo hoặc không yêu cầu thuê bao thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu đối với cá nhân sử dụng nhiều hơn 3 số thuê bao di động trả trước;***

II. Ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Đối với các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông uỷ quyền

Theo quy định tại Nghị định 49, trong thời gian 3 tháng kể từ ngày ký (tức 24/4/2017) , doanh nghiệp có trách nhiệm ***thu hồi toàn bộ các SIM thuê bao di động đã được doanh nghiệp phân phối cho các đại lý***, phải hoàn tất các việc hợp tác với điểm đăng ký thông tin thuê bao, đại lý phân phối SIM theo quy định tại Nghị định 49. Sau ngày 24/7/2017, các điểm đăng ký thông tin thuê bao, đại lý phân phối SIM thuê bao đang hoạt động nếu không được doanh nghiệp viễn thông ký hợp đồng uỷ quyền giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo quy định tại Nghị định 49 phải ngừng hoạt động bán SIM. không thực hiện đúng các quy định sẽ phải ngừng hoạt động tiếp nhận, đăng ký thông tin thuê bao, bán SIM.

Do vậy, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị doanh nghiệp xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện các quy định tại Nghị định 49 theo mẫu tại Phụ lục 02 (đính kèm) để đảm bảo doanh nghiệp thực thi đúng quy định pháp luật và đảm

bảo quyền lợi kinh doanh của các điểm đang thực hiện đăng ký thông tin thuê bao, bán SIM.

2. Đối với thuê bao di động trả trước

Trong vòng 12 tháng kể từ ngày 24/4/2017, doanh nghiệp có trách nhiệm rà soát, hướng dẫn, yêu cầu các thuê bao di động trả trước đang sử dụng dịch vụ của mình mà thông tin thuê bao chưa tuân thủ theo đúng quy định tại khoản 5, khoản 7 điều 1 Nghị định 49. Sau ngày 24/4/2018, doanh nghiệp phải bảo đảm toàn bộ các thông tin thuê bao trong cơ sở dữ liệu thông tin thuê bao tập trung của mình tuân thủ đúng quy định.

Do vậy, Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị doanh nghiệp nhanh chóng xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền đến chủ thuê bao di động trả trước các quy định về thông tin thuê bao và lộ trình thuê bao di động đăng ký lại thông tin thuê bao theo mẫu tại Phụ lục 03 (đính kèm).

3. Lộ trình gửi báo cáo

Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các doanh nghiệp thực hiện các báo cáo và gửi về Sở theo lộ trình sau:

- Các kế hoạch (Phụ lục 02, 03) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 30/5/2017**

- Kết quả thực hiện Kế hoạch về việc hợp tác với điểm đăng ký thông tin thuê bao, bán SIM (Phụ lục 02) **trước ngày 15/8/2017.**

- Kết quả thực hiện việc rà soát thông tin thuê bao di động trả trước (Phụ lục 03): đợt 1 **trước ngày 15/10/2017** và đợt 2 **trước ngày 15/5/2018.** / *Quoc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- PGĐ.Lê Quốc Cường;
- Thanh tra Sở;
- Lưu: VT,P.BCVT (PH.12);

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Quốc Cường



Phụ lục 01

Một số quy định mới tại Nghị định 49

1. Các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông tuân thủ đầy đủ các quy định sau:

- Có biển hiệu bao gồm tối thiểu các thông tin sau: “Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông”; tên hoặc thương hiệu của doanh nghiệp viễn thông thiết lập điểm cung cấp dịch vụ viễn thông hoặc ủy quyền cho điểm cung cấp dịch vụ viễn thông; địa chỉ; số điện thoại liên hệ;

- Niêm yết công khai hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông; quy trình giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng ủy quyền được doanh nghiệp viễn thông cấp cho doanh nghiệp thiết lập (đối với điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ủy quyền);

- Có đủ trang thiết bị để nhập thông tin trên giấy tờ của các cá nhân, tổ chức; số hóa giấy tờ của cá nhân, tổ chức; chụp ảnh người trực tiếp đến giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (đối với dịch vụ viễn thông di động) và chuyển thông tin, bản số hóa giấy tờ, ảnh chụp về cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp viễn thông. Thiết bị số hóa giấy tờ, chụp ảnh phải bảo đảm bản số hóa giấy tờ, ảnh chụp rõ ràng, sắc nét; bản số hóa giấy tờ phải có đầy đủ các thông tin so với các giấy tờ đã xuất trình của cá nhân, tổ chức khi giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; ảnh chụp phải có thông tin về thời gian (ngày, giờ) chụp;

- Nhân viên thực hiện việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung phải được tập huấn, đào tạo về quy trình, thủ tục giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung.

2. Về thông tin thuê bao tuân thủ đầy đủ các quy định sau:

a) Số thuê bao; đối tượng sử dụng cho từng số thuê bao: đối với cá nhân (cho bản thân; cho con đẻ, con nuôi dưới 14 tuổi; cho người được giám hộ; cho thiết bị); đối với tổ chức (cho các cá nhân thuộc tổ chức; cho thiết bị);

b) Thông tin trên giấy tờ tùy thân của cá nhân, bao gồm: họ và tên; ngày tháng năm sinh; quốc tịch; số, ngày cấp, cơ quan cấp hoặc nơi cấp giấy tờ tùy thân; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người có quốc tịch Việt Nam);

c) Thông tin trên giấy tờ của tổ chức, bao gồm: tên tổ chức; địa chỉ trụ sở giao dịch; thông tin trên giấy tờ tùy thân của người đến giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung và thông tin trên giấy tờ tùy thân của mỗi cá nhân thuộc tổ chức tương ứng với số thuê bao mà tổ chức giao cho cá nhân đó sử dụng (trường hợp tổ chức giao cho người sử dụng) theo quy định tại điểm b khoản này;

d) Bản số hóa toàn bộ các giấy tờ của cá nhân, tổ chức đã xuất trình khi đến giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung;

đ) Ảnh chụp người trực tiếp đến giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung (đối với dịch vụ viễn thông di động); bản số hóa bản xác nhận thông

tin thuê bao hoặc bản xác nhận thông tin thuê bao có chữ ký điện tử (đối với dịch vụ viễn thông di động trả trước);

e) Hình thức thanh toán giá cước (trả trước, trả sau);

g) Họ tên nhân viên giao dịch; thời gian thực hiện việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; thời gian thực hiện mỗi lần cập nhật thông tin thuê bao (đối với các trường hợp cá nhân, tổ chức cập nhật lại thông tin thuê bao); địa chỉ và số điện thoại liên hệ của điểm cung cấp dịch vụ viễn thông.

3. Việc giao kết hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung đối với các cá nhân sử dụng số thuê bao di động trả trước của mỗi mạng viễn thông di động thực hiện như sau:

a) Đối với 3 số thuê bao đầu tiên, cá nhân xuất trình giấy tờ và ký vào bản giấy hoặc bản điện tử bản xác nhận thông tin thuê bao. Bản xác nhận thông tin thuê bao bao gồm toàn bộ các thông tin thuê bao được quy định tại điểm a và điểm b hoặc điểm c khoản 5 Điều này;

b) Đối với số thuê bao thứ tư trở lên, thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu với doanh nghiệp viễn thông di động. Doanh nghiệp viễn thông di động phải kiểm tra, giám sát, bảo đảm các số thuê bao đó được sử dụng theo đúng quy định tại điểm b, điểm d khoản 9 Điều này.



Phụ lục 02

Về triển khai các quy định mới tại Nghị định 49 đối với các điểm đăng ký thông tin thuê bao

I. Kế hoạch thực hiện:

	Thời gian rà soát, ký hợp đồng uỷ quyền, thu hồi SIM	Số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông uỷ quyền (điểm)	Số lượng đại lý phân phối SIM (điểm)
1	Thời gian bắt đầu – thời gian kết thúc		
2			
...			
Tổng	Thời gian bắt đầu – 24/7/2017		

II. Báo cáo

- Số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông do doanh nghiệp viễn thông thiết lập: ... điểm.
- Số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông lưu động do doanh nghiệp viễn thông thiết lập: ... điểm.
- Số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông uỷ quyền: ... điểm.
- Số lượng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông uỷ quyền chưa rà soát: ... điểm.
- Số lượng đại lý phân phối SIM đã thu hồi: ... điểm
- Số lượng SIM đã thu hồi từ các đại lý phân phối SIM: ... SIM
- Danh sách các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông trên bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ của điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, tên doanh nghiệp được uỷ quyền, thời hạn được uỷ quyền; số điện thoại liên hệ, thời gian hoạt động (đối với điểm cung cấp dịch vụ viễn thông lưu động).

Phụ lục 03

Triển khai các quy định mới về thông tin thuê bao tại Nghị định 49

I. Kế hoạch tuyên truyền và đăng ký thông tin thuê bao

- Tổng số thuê bao di động trả trước: ... thuê bao
- Số lượng thuê bao di động trả trước dự kiến không cần điều chỉnh thông tin thuê bao: ... thuê bao.

Nội dung:	Thời gian bắt đầu – Thời gian kết thúc	Số lượng thuê bao	Tiêu chí chọn thuê bao tuyên truyền
I. Quy định về thông tin thuê bao			
Lần 1			
Lần 2			
...			
Tổng:			
II. Về thời điểm chủ thuê bao đăng ký lại thông tin thuê bao			
Lần 1			
Lần 2			
...			
Tổng			

II. Báo cáo đợt 1 trước ngày 15/10/2017 và đợt 2 trước ngày 15/5/2018

Nội dung:	Số lượng thuê bao	Số lượng thuê bao đã đăng ký lại thông tin thuê bao
I. Quy định về thông tin thuê bao		/
Lần 1		
Lần 2		
...		
Tổng:		
II. Về thời điểm chủ thuê bao đăng ký lại thông tin thuê bao		
Lần 1		
Lần 2		
...		
Tổng thuê bao đã đăng ký lại thông tin thuê bao:		
Tổng số thuê bao chưa đăng ký lại thông tin thuê bao:		